



kù xíng

酷刑

noun · torture; cruel punishment

Example Sentences

gǔ dài yǒu xiē guó jiā shǐ yòng kù xíng lái bī gòng

古代有些国家使用酷刑来逼供。

In ancient times, some countries used torture to extract confessions.

guó jì fǎ jìn zhǐ rèn hé xíng shì de kù xíng

国际法禁止任何形式的酷刑。

International law prohibits any form of torture.

Trace each character, then write the word on your own.

酷	酷	酷	酷	酷	酷	酷	酷	酷	酷	酷
酷	酷	酷	酷	酷	酷					

刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑		
